TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN X **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
_____	_____

Bản án số: 31/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12/01/2023
V/v "Ly hôn giữa bà C và ông T"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN X THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Xuân Đào

2. Bà Phan Thị Hồng Hoa

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh - Cán bộ Toà án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023 tại Trụ sở Toà án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 563/2022/TLST-HNGĐ ngày 06/10/2022 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2022/QĐXX-ST ngày 21/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST- HNGĐ ngày 06/01/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Út C – sinh năm 1974 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 336 Đường A, Phường M, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc T – sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 178/68 Đường B, Phường S, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn nộp ngày 19/9/2022 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Phan Thị Út C trình bày: bà và ông T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1998, có đăng ký kết hôn (giấy chứng nhận kết hôn số 23/QH, quyển số 01/98, ngày 15/5/1998 do UBND Phường S, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh cấp), có một con chung tên Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 11/10/1998.

Theo bà C trình bày vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn từ khoảng năm 2020 nguyên nhân do tính cách hai bên không phù hợp dẫn đến thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã không hàn gắn được. Ngoài ra, ông T sống không chung thủy và không có trách nhiệm với gia đình. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, bà xác định không còn tình cảm nên xin được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T.

Về con chung: có một con chung tên Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 11/10/1998 – đã thành niên

Về tài sản chung và nợ chung: Bà C xác định không có.

Phía bị đơn ông Nguyễn Ngọc T đã được Tòa án triệu tập đến Tòa để trình bày ý kiến về việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn nhưng cố tình vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận ý kiến và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị Út C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại đơn xin ly hôn và bản khai, ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều đảm bảo đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đúng thẩm quyền xét xử, việc tống đạt các thông báo, giấy triệu tập, quyết định… của Tòa cho các đương sự hợp lệ, đúng với quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn, đúng địa điểm, thành phần, đảm bảo thời gian luật quy định, thành phần những người tiến hành tố tụng không thuộc trường hợp phải thay đổi. Xét thấy, theo lời trình bày của bà C tại đơn xin ly hôn và bản khai thì bà C và ông T sống không hòa thuận, phát sinh nhiều thuẫn không hàn gắn được, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Phan Thị Út C được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T; Con chung đã thành niên. Về tài sản chung và nợ chung: bà C xác định không có. Về án phí, bà C chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Hình thức, nội dung đơn yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị Út C thực hiện đúng quy định tại các Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Phan Thị Út C đối với bị đơn ông Nguyễn Ngọc T có nơi cư trú tại Quận X nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3]. Quan hệ hôn nhân giữa bà Phan Thị Út C và ông Nguyễn Ngọc T có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Nguyễn Ngọc T vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà Phan Thị Út C có xin xét xử vắng mặt và được hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn:

Nguyên đơn bà Phan Thị Út C trình bày mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2020 do không còn hòa hợp nhau về mọi mặt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên thường xảy ra gây cãi, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, ông T sống không chung thủy với vợ. Nay bà xác định tình cảm không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông Nguyễn Ngọc T.

Phía bị đơn ông Nguyễn Ngọc T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến.

Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình..." nhưng qua lời trình bày của nguyên đơn thì giữa vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, cả hai đã không có có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau vun đắp cho cuộc sống gia đình. Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải tạo điều kiện cho vợ chồng bà C và ông T hàn gắn tình cảm, trở về đoàn tụ, tuy nhiên, phía bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án dù đã được triệp tập hợp lệ, chứng tỏ bị đơn không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[5]. Về con chung: có một con chung tên Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 11/10/1998 – đã thành niên

[6]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà C xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Phan Thị Út C là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bà Phan Thị Út C và ông Nguyễn Ngọc T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 189, Điều 227, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 9, 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm

2014; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2008; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phan Thị Út C và ông Nguyễn Ngọc T.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 23/QH, quyển số 01/98, ngày 15/5/1998 do UBND Phường S, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

2. Về con chung: có một con chung tên Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 11/10/1998 – đã thành niên

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà C xác định không có.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: là 300.000 đồng bà Phan Thị Út C phải chịu; nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0012502 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phan Thị Út C đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Q.X;
- CCTHADS Q.X;
- UBND PS, QX;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Thu